| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN M**<br>**TỈNH HÀ GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 21-4-2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Củng Trần Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Chí Cường, ông Phàn Minh Pú

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Vàng Mí Chứ - Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 28/03/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 08/04/2022 đối với bị cáo:

**Vàng Thị M** (tên gọi khác: Không có); sinh năm 1992, tại: xã Pả Vi, huyện M, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: thôn Há Chế, xã Tả Lủng, huyện M, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: làm nương; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Hmông; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vàng Chá Tủa, sinh năm 1964 và bà Hờ Thị Sò, sinh năm 1970; Chồng: Mua Mí Già, sinh năm 1978 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2022 đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại*: Ông Mua Mí S, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Giàng Thị M1, Hờ Thị D (Có mặt) Hờ Thị S1, Vàng Mí N (Vắng mặt không có lý do).

- *Người giám hộ cho người làm chứng Vàng Mí N*: Hờ Thị S1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã V , huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Ông Mua Mí C, sinh năm 1971; địa chỉ: xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 30/12/2021, Vàng Thị M một mình đi bộ từ nhà đến nhà ông Mua Mí S với mục đích là để xin rau cải về nhà ăn. Đến nơi, M thấy cửa nhà ông S đều đóng, mọi người trong gia đình ông S đều đi vắng, không có ai ở nhà. Do đang nợ nần nên M nảy sinh ý định đột nhập vào nhà ông S trộm cắp tiền ở trong hòm gỗ để mang về trả nợ. Vì trước đó, vào khoảng tháng 11 năm 2021, M đã đến nhà ông S vay số tiền 500.000 đồng để mang về trả tiền sửa chữa công tơ điện của nhà mình. Quá trình vay tiền, M biết được nơi mà gia đình ông S cất giữ tiền là ở trong chiếc hòm gỗ bốn chân, loại hòm mà người dân tộc Hmông địa phương thường sử dụng, đặt cạnh giường ngủ của vợ chồng ông S. M tiếp tục quan sát thấy xung quanh nhưng không có người, M liền trèo lên nắp bể nước rồi đi men theo vách tường nhà đến cửa phụ nhà ông S. M dùng tay phải luồn qua khe hở của cửa để tháo nút dây thép buộc ở thành cửa làm dây khóa. Sau khi tháo được dây thép khóa cửa, M liền đẩy cửa để đi vào bên trong nhà rồi nhanh chóng tiến về phía hòm gỗ. Thấy nắp hòm gỗ không khóa, M dùng tay phải mở nắp hòm lên thì thấy bên trong hòm được đựng nhiều quần áo, trên cùng có một chiếc túi nilon màu xanh được đựng các giấy tờ liên quan đến hộ gia đình ông S như: Sổ hộ khẩu, Thẻ bảo hiểm y tế…và một tệp tiền được buộc bằng dây nịt màu vàng, M liền dùng tay mở chiếc túi ni lông ra và dùng tay phải cầm tệp tiền đó cho vào túi áo khoác của mình, rồi nhanh chóng đi ra ngoài theo lối vào trước đó rồi M khép và buộc lại dây thép khóa cửa như ban đầu. M tiếp tục đi men theo vách tường nhà, sau đó M nhảy từ nắp bể nước xuống hiên nhà rồi đi thẳng qua nương bà Giàng Thị M1 ở cùng thôn. Đi đến đoạn đường bê tông gần nhà văn hóa thôn H, xã T, huyện M, M tiếp tục đi theo đường rồi đi về nhà mình. Khi về đến nhà, M thấy trong nhà không có ai nên M đã lấy số tiền vừa trộm cắp được của nhà Mua Mí S để trong túi áo khoác ra đếm được 29 tờ tiền polime, loại tiền có mệnh giá 500.000 đồng, tổng số tiền là: 14.500.000 đồng. Sau khi kiểm, đếm xong số tiền trộm cắp được, M tiếp tục cho vào trong túi áo khoác đang mặc trên người. Số tiền trộm cắp được mà có, M đã sử dụng như sau:

- Ngày 02/01/2022, bà Hờ Thị S1 *(mẹ đẻ của M)* đến nhà M chơi, M đã trả nợ cho bà S1 số tiền là*:* 2.000.000 đồng.

- Ngày 03/01/2022, bà Hờ Thị D *(là chị gái của mẹ đẻ M)* đến nhà M chơi, M đã trả nợ cho bà D số tiền là*:* 8.000.000 đồng.

- Ngày 05/01/2022, Vàng Mí N *(là em trai ruột của M)* đến nhà M chơi, M đã cho em N số tiền là: 2.000.000 đồng.

Đến ngày 11/01/2022 do gia đình bị hại Mua Mí S truy tìm gay gắt bị cáo lo sợ mình bị phát hiện và bị cáo cũng nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của mình là vi phạm pháp luật nên M đã đến trụ sở Công an xã T để tự thú và tự nguyện giao nộp 2.500.000 đồng nhằm hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Biết được số tiền do M đã trả nợ và đã cho là do M thực hiện hành vi trộm cắp được mà có, bà S1, bà D và cháu N đã tự nguyện mang toàn bộ số tiền đến giao nộp cho Công an xã T, huyện M để phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án.

Đối với gia đình ông Mua Mí S: Khoảng 14 giờ ngày 30/12/2021, khi gia đình đi làm nương về đến nhà thì phát hiện thấy cửa ra vào ở cạnh bể nước đã bị thay đổi so với ban đầu lúc đi ra khỏi nhà, các thanh tre của cánh cửa bị xê dịch, đoạn dây thép do S buộc vào cửa để làm khuy khóa cũng bị tháo, buộc lại không như lúc đầu tôi đã buộc, khi đi vào trong nhà kiểm tra trong hòm thì phát hiện bị mất số tiền vợ Mua Mí S đã để vào trong túi ni lông đựng chung với các giấy tờ của gia đình. Tổng số tiền bị mất là 29 tờ tiền polime, loại tiền có mệnh giá 500.000 đồng, được buộc bằng dây nịt màu vàng. Tổng cộng số tiền bị mất là: 14.500.000 đồng. Sau khi phát hiện gia đình bị mất tiền ông S đã báo cho anh em họ hàng và trưởng thôn biết, đến ngày 11/01/2022 Công an xã T, huyện M mời ông Mua Mí S lên làm việc, S mới được thông báo Vàng Thị M là người đã trộm số tiền trên của gia đình.

***Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:***

*- Đồ vật, tài liệu do bị can Vàng Thị M giao nộp, gồm:*

+ 05 tờ tiền Việt Nam đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng.

*- Đồ vật, tài liệu do Hờ Thị D giao nộp, gồm:*

+ 16 tờ tiền Việt Nam đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng.

*- Đồ vật, tài liệu do Hờ Thị S1 giao nộp, gồm:*

+ 04 tờ tiền Việt Nam đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng.

*- Đồ vật, tài liệu do Vàng Mí N giao nộp, gồm:*

+ 04 tờ tiền Việt Nam đồng, loại mệnh giá 500.000 đồng.

Ngày 12/01/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo Vàng Thị M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSMV ngày 27/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Vàng Thị M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng Thị M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Vàng Thị M từ 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám tháng). Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Tại giai đoạn điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ-CSĐT ngày 13/01/2022 trả lại cho bị hại ông Mua Mí S số tiền 14.500.000 đồng, nên không đề cập xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Mua Mí S đề nghị bị cáo phải bồi thường danh dự cho các con của ông vì các con của ông bị công an mời ra làm việc nhiều lần. Đề nghị của bị hại Mua Mí S là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Về án phí. Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Vàng Thị M thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Bị hại Mua Mí S đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo cũng đã ra tự thú, hiện nay gia đình bị cáo còn có ba con nhỏ ở nhà không ai chăm sóc. Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt những người làm chứng Hờ Thị S1, Vàng Mí N nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc làm sáng tỏ vụ án. Căn cứ vào các Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về tội danh: Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức xã hội, am hiểu về pháp luật hạn chế, bị cáo phải biết rằng: Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật, Nhà nước bảo vệ. nhưng vì coi thường pháp luật nên bị cáo đã trộm cắp tài sản của bị hại Mua Mí S là số tiền 14.500.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố về thời gian, địa điểm, ngoài ra còn thể hiện tại biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vàng Thị M phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Tại khoản 1 Điều 173 của BLHS quy định:*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*a,…. "*

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Vàng Thị M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự xã hội trên địa bàn mà bị cáo gây án nói riêng, huyện M nói chung. Hơn nữa bị cáo là người vợ, người mẹ đáng lẽ bị cáo phải sống và làm việc đúng pháp luật để noi gương cho con cháu sau này, nhưng vì lười lao động, đang sống trong hoàn cảnh nợ nần dẫn đến việc bị cáo có những hành động tiêu cực mặc dù biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do vậy cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo Vàng Thị M phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã đến cơ quan công an xã để tự thú nên áp dụng điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan đồng của pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo là người không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng: Tại giai đoạn điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Hà Giang đã trả lại cho bị hại ông Mua Mí S số tiền 14.500.000 đồng theo Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ-CSĐT ngày 13/01/2022. Xét thấy việc trả vật chứng không

ảnh hưởng đến việc làm rõ nội dung vụ án, là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Mua Mí S yêu cầu bị cáo phải bồi thường danh dự cho các con của ông vì việc các con của ông bị công an mời ra làm việc. Xét thấy đây là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân, đề nghị của bị hại Mua Mí S không có căn cứ, không phù hợp với định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[11] Xét về nhân thân: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, xuất thân từ gia đình lao động, không được học hành, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự, có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt.

[12] Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cùng gia đình cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS.

[13] Đối với bà Hờ Thị S1, Hờ Thị D và Vàng Mí N là những người đã được bị cáo Vàng Thị M lấy số tiền do trộm cắp được của bị hại ông Mua Mí S để trả nợ và cho cá nhân nhưng trước, trong và sau khi trả nợ và cho cá nhân, bị cáo không nói cho những người này biết về nguồn gốc số tiền. Đến khi bị cáo đầu thú những người này đã phối hợp tốt với cơ quan chức năng và tự nguyện mang toàn bộ số tiền mà bị cáo đã trả nợ và đã cho đến giao nộp cho Công an xã T, huyện M để phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án nên không xem xét việc xử lý đối với những người này.

[14] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*1. Tội danh:*

Tuyên bố: Bị cáo Vàng Thị M phạm tội "Trộm cắp tài sản"

*2. Về hình phạt:*

- Áp dụng 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017):

Xử phạt bị cáo Vàng Thị M 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ

thẩm (Ngày 21/4/2022)

Giao bị cáo Vàng Thị M cho UBND xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện M, giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì căn cứ Điều 92 Luật Thi hành án hình sự để thi hành. Trong thời gian thử thách bị cáo không được xuất cảnh.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*3. Án phí*: Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: án xử công khai có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/4/2022)./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Củng Trần Lương**